

Bản án số: 19/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 28 - 03 - 2024

V/v: "tranh chấp ly hôn".

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẠI TỪ, TỈNH THÁI NGUYÊN**

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thu Hà.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Phạm Xuân Khoa và bà Nguyễn Thị Mai Hương.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Thanh Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đại Từ tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Thành Đạt – Kiểm sát viên.

Ngày 28/3/2024, tại Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân & gia đình thụ lý số: 414/2023/HNGĐ-ST ngày 22/12/2023, về việc "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2023/QĐXXST-HN&GD, ngày 12/3/2024, giữa:

**1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1972;**

Nơi cư trú: Xóm T, xã P, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

**2. Bị đơn: Anh Tạ Văn Q, sinh năm 1971;**

Nơi cư trú: Xóm Đ, xã P, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt chị T; vắng mặt anh Q tại phiên tòa).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Q kết hôn năm 2017, đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Sau khi kết hôn vợ chồng đã không có hạnh phúc, bởi chị và anh Q đều đã có vợ, có chồng nhưng đã ly hôn, Cả hai xây dựng gia đình với nhau rồi giá cạp lại. Ban đầu còn tôn trọng nhau, nhưng chỉ được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn dẫn đến vợ chồng luôn khắc khẩu thậm chí không nhìn mặt nhau. Cũng từ năm 2019 chị và anh Q đã ly thân do không còn tình cảm, năm 2020 chị đã có đơn ly hôn với anh Q được Tòa án nhân dân huyện Đại Từ giải quyết nhưng do anh Q hứa thay đổi để đoàn tụ nên chị đã rút đơn ly hôn, nhưng từ khi rút đơn ly hôn đến nay vợ chồng vẫn không

chung sống cùng nhau mà vẫn ly thân mỗi người một nơi, không ai quan tâm đến cuộc sống của ai. Nay anh **Q** thường xuyên đi vắng khỏi địa phương chỉ thỉnh thoảng về nhà mẹ đẻ vài hôm rồi lại đi. Do cuộc sống không có hạnh phúc và không chung sống cùng nhau nhiều năm nên chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện Đại Từ giải quyết ly đơn phương chấm dứt cuộc sống không còn tình cảm như hiện nay.

*Về con chung:* Quá trình chung vợ chồng không có con chung nên không đặt ra việc giải quyết.

*Về tài sản chung:* Không có, không đặt ra việc giải quyết.

*Về nợ chung, khoản cho vay chung:* Không có, không đặt ra việc giải quyết.

Bị đơn anh **Tạ Văn Q** đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần qua người thân trong gia đình nhưng không chấp hành giấy báo, và các văn bản tố tụng. Do vậy, không có quan điểm trình bày của anh **Q**.

#### **Tại phiên tòa, đại diện VKSND huyện Đại Từ phát biểu quan điểm:**

*Về tố tụng:* Việc tuân theo pháp luật tố tụng, trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng quy định tại các Điều 26, 35, 39, 68, 96, 97 và Điều 195 của Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn chưa thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Đại diện VKS không có ý kiến đề nghị, kiến nghị gì.

*Về nội dung:* Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016, ra bản án với các nội dung sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chấp nhận đơn khởi kiện, cho chị **T** được ly hôn với anh **Q**.

- *Về con chung:* Không có, không đặt ra việc giải quyết.

- *Về tài sản chung, nợ chung, các khoản cho vay chung:* Không có, không đặt ra việc giải quyết.

- *Án phí:* Chị **T** phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

- *Quyền kháng cáo:* Đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đại Từ phát biểu quan điểm chấp hành pháp luật tố tụng và quan điểm về việc giải quyết toàn bộ vụ án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án Hôn nhân và gia đình về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung”. Bị đơn anh **Tạ Văn Q** mặc dù bị xóa tên

đăng ký hộ khẩu tại địa phương nhưng hiện nay không đăng ký tạm trú, tạm vắng tại địa phương nào khác, anh Q vẫn về gia đình mẹ đẻ tại xóm Đ, xã P, huyện Đ nên xác định nơi cư trú cuối cùng thuộc xóm Đ, xã P, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự, xác định thẩm quyền giải quyết, xét xử của Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

[2]. Về thủ tục tố tụng:

[2.1]. Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng tới bị đơn qua người thân trong gia đình anh Q nhưng anh Q không chấp hành. Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự, Hội đồng xét xử thống nhất với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, áp dụng điểm b Khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn trong vụ án.

[2.2]. Quá trình thu thập chứng cứ đối với anh Q: Việc anh Q vắng mặt nhưng gia đình là mẹ đẻ và em trai được giao giấy báo, các văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định tại khoản 5 Điều 177 và Điều 178 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2.3]. Về sự tham gia của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành các biện pháp thu thập chứng cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Bộ luật tố tụng dân sự nên Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là đúng quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3]. Về nội dung vụ án:

[3.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T với anh Tạ Văn Q kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên và được cấp giấy chứng nhận kết hôn năm 2017, nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2019 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu mâu thuẫn trong cuộc sống thường ngày, vợ chồng khắc khẩu thậm chí không nhìn mặt nhau và ly thân khoảng thời gian dài từ năm 2019 đến nay gần 4 năm. Năm 2021 do mâu thuẫn vợ chồng, chị T cũng đã có đơn ly hôn nhưng sau đó rút đơn đoàn tụ tại phiên tòa nên được Tòa án đình chỉ vụ án, kể từ năm 2021 đến nay, chị T xác định vợ chồng vẫn ly thân mỗi người một nơi không ai quan tâm đến cuộc sống của ai.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị T với anh Q, Hội đồng xét xử thấy rằng mặc dù anh Q không đến Tòa án làm việc nhưng thông qua gia đình và biên bản làm việc với anh Tạ Văn Q1 là em trai anh Q và bà Đỗ Thị H là mẹ đẻ anh Q được cung cấp thông tin: Anh Q kết hôn với chị T cả hai đều đổ vỡ trong hôn nhân với người trước, sau khi kết hôn, vợ chồng chỉ chung sống thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, đến nay hai người đã ly thân và không chung sống cùng nhau nhiều năm, anh Q cũng thông tin với gia đình không còn tình cảm với chị T, hiện anh Q đi làm ăn xa và chung sống với người vợ đầu tiên tại Thái Bình nhưng cũng không đăng ký tạm trú, thỉnh thoảng về gia đình mẹ đẻ tại xóm Đ.

Tại biên bản xác minh, biên bản làm việc, ông Nguyễn Văn S – là trưởng xóm Đ được cung cấp thông tin: Anh Q và chị T chung sống với nhau khi hai người đổ vỡ trong hôn nhân, thực tế anh chị chỉ chung sống với nhau tại địa phương được 01 năm sau đó ly thân, chị T bỏ về nhà ngoại tại xóm T, xã P sinh sống nên vợ chồng không có liên lạc gì đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình thì: “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; có nghĩa vụ chung sống với nhau...*”. Thực tế cuộc sống của chị T và anh Q đã không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình: “*Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hoà giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được*”.

Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T, cho chị T được ly hôn với anh Q là phù hợp theo quy định tại Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3.2]. Về con chung: Quá trình chung sống chị T và anh Q không có con chung nên không đặt ra việc giải quyết.

[3.3]. Về tài sản chung: Không có nên không đặt ra việc giải quyết.

[3.4]. Về nợ chung, các khoản cho vay chung: Không có nên không đặt ra việc giải quyết.

[4]. Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước.

[5]. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[6]. Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đại Từ tại phiên toà là phù hợp nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 5 Điều 177, Điều 227, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 19, Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị T đối với anh Tạ Văn Q.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Tạ Văn Q.
2. Về con chung: Không có, không đặt ra việc giải quyết.
3. Về tài sản chung: Không có, không đặt ra việc giải quyết.
4. Về nợ chung, cho vay chung: Không có, không đặt ra việc giải quyết.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, chị T được đối trừ vào khoản tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đại Từ, theo biên lai số 0005262 ngày 22/12/2023. Xác nhận chị T đã nộp đủ.

6. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, có mặt chị T tại phiên tòa. Báo cho biết, chị T được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Vắng mặt anh Q tại phiên tòa. Anh Q vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết công khai hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND huyện Đại Từ;
- Chi cục THADS huyện Đại Từ;
- UBND xã Phú Lạc, Đại Từ (ĐKKH số 20/2017 ngày 09/5/2017);
- Công thông tin điện tử Tòa án;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Thu Hà**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Thu Hà**